

## VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Cụ Nguyễn Du

Lời Tòà Soạn: Cụ Nguyễn Du là một Tác Giả Việt Nam đã được thế giới biết đến từ hơn 100 năm nay qua tác phẩm thơ trường thiên, đó là Truyện Kiều. Văn chương và tư tưởng trong truyện Kiều đã được tìm hiểu, phân tích... và hầu hết đều đã công nhận đây là một tác phẩm tuyệt tác. Truyện Kiều đã trình bày một nhân sinh quan nhân bản bao dung định mệnh và con người. Cụ Nguyễn Du đã dành phần quyết định cho con người về cuộc đời chứ không hoàn toàn phó thác cho thiên định:

Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều

hoặc:

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Thi hào Nguyễn Du đã kết thúc truyện Kiều bằng quan điểm Phật giáo “Vạn pháp duy tâm tạo” (mỗi nguyên lý và hệ quả trong cuộc đời đều do lòng người làm nên) và tin tưởng rằng con người có thể dùng “TÂM” để chuyển hóa cuộc đời. Vì “Vạn pháp” do tâm sinh cho nên:

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa

Có lẽ từ ý niệm này mà Nguyễn Du đã viết nên bài “Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh” để chiêu hồn mười loại chúng sinh trong ngày rằm tháng bảy âm lịch được truyền thống dân tộc Việt Nam xem như là ngày “Xá Tội Vong Nhân” nghĩa là ngày mà các linh hồn của những người khi sống đã làm nên tội bị giam giữ, bị hình phạt trong các tầng địa ngục... được ân giảm và ân xá để đi đầu thai vào cõi khác (theo giáo lý Phật).

Bài văn “Chiêu hồn thập loại chúng sinh” là một áng văn quốc âm nổi tiếng về văn chương và ý nghĩa, nhưng lại ít được biết đến.

Thật vậy, về văn quốc âm, tức là văn viết bằng tiếng Việt, chữ Nôm (tức là cách ký âm tiếng Việt bằng chữ Trung Hoa qua sự cải biến do ông Nguyễn Thuyên khởi xướng), Nguyễn Du có bốn tác phẩm được lưu truyền, đó là:

1. Truyện Kiều.
2. Văn Tế Sống Hai Cô Gái Trường Lưu.
3. Thơ Thác Lời Trai Phờng Nón.
4. Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh.

Nhân Mùa Vu Lan, chúng tôi xin đọc lại bài văn Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh của Thi hào Nguyễn Du để cùng chia sẻ những nỗi đau thương của những kiếp người, những thân phận thiếu may mắn trong cuộc đời từ ngàn xưa đã “buồn nhiều hơn vui”...

Bài văn Chiêu Hồn đã được truyền tụng trong dân gian một cách rộng khắp có lẽ do các mùa và lễ Cúng Cô Hồn, khi làm lễ Cầu Siêu tập thể. Bài văn có một số tên không giống nhau: Một bản đề là Bài Chiêu Hồn (in năm 1926), một bản đề là Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh (Lê Thước, Văn Hóa Hợp Tuyển (1960 và 1963), một bản lấy tên là Văn Chiêu Hồn (1965), một bản là Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh (Đàm Quang Thiện).

Chúng tôi thấy nội dung của bài văn là gọi hồn và thương xót cho những sinh linh đau khổ trong cõi âm do đó có thể chọn cái tên là Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh để tiện tìm hiểu.

Bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh dài tất cả là 184 câu, làm theo thể song thất lục bát. Song thất lục bát là thể thơ kết hợp nhịp nhàng giữa thất ngôn và lục bát tạo nên nhiều cung bậc trầm bổng bi hùng rất dễ ngâm hay hát... Sau đây là nguyên bản:

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,  
Toát hơi may lạnh buốt xương khô  
Nào người thay buổi chiều thu,  
Ngàn lau nhuộm bạc lá ngô rừng vàng...  
Đường bạch dương bóng chiều man mác,  
Dịp đường lê lác đác mưa sa  
Lòng nào lòng chẳng thiết tha  
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.  
Trong trường dạ tối tăm trời đất,  
Có khôn thiêng phảng phất u minh...  
Thương thay thập loại chúng sinh  
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người  
Hương lửa đã không nơi nương tựa  
Hồn mò cõi lẩn lữa bấy niên...  
Còn chi ai khá ai hèn  
Còn chi mà nói ai hèn ai ngu!  
Tiết đầu thu lập đàn giải thoát  
Nước tịnh đàn sai hạt dương chi  
Muôn nhờ Đức Phật từ bi  
Giải oan cầu khổ để về tây phương.  
Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh  
Chỉ những năm cát gánh non sông  
Nói chi những buổi tranh hùng  
Tưởng khi thể khuất vận cùng mà đau!  
Bỗng phút đầu mưa sa ngói lở  
Khôn đem mình làm đũa thất phu  
Giàu sang càng nặng oán thù  
Máu tươi lai láng xương khô rụng rời  
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,  
Quý không đầu đứng khóc đêm mưa  
Cho hay thành bại là cơ  
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan.  
Cũng có kẻ màn lan trướng huệ  
Nhưng cậy mình cung quế Hằng Nga,  
Một phen thay đổi sơn hà,  
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?  
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy  
Phận đã đành trâm gãy bình rơi  
Khi sao đông đúc vui cười  
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.  
Đau đớn nhẽ không hương không khói  
Hồn ngẩn ngơ dòng suối rừng sim.  
Thương thay chân yếu tay mềm  
Càng nằm càng héo một đêm một dài.  
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,  
Ngọn bút sơn thác sống ở tay  
Kính luân gồm một túi đầy  
Đã đem Quản Cát lại ngày Y Chu.  
Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,

Trăm loài ma mờ nắm chung quanh  
Ngàn vòn khôn đổi được mình  
Lầu ca viện hát tan thành còn đâu?  
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước  
Biết lấy ai bát nước nén nhang?  
Cô hồn thất thểu dọc ngang  
Nặng oan khôn nhẹ tìm đường hóa sinh?  
Kìa những kẻ bài binh bố trận  
Đổi mình vào cướp ẩn nguyên nhưng  
Gió mưa sấm sét ùng ùng  
Phơi thây trăm họ nên công một người.  
Khi thất thế tên rơi đạn lạc  
Bãi sa trường thịt nát máu rơi  
Mệnh mỏng góc bể chân trời  
Nắm xương vô chủ biết rơi chốn nào?  
Trời thăm thẳm mưa gào gió thét  
Khí âm huyền mờ mịt trước sau  
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,  
Nào đâu điều tế, nào đâu chưng thường?  
Cũng có kẻ tính đường trí phú  
Mình làm mình nhịn ngũ kém ăn  
Ruột rà không kẻ chí thân  
Dẫu làm nên để dành phần cho ai?  
Khi nằm xuống không người nhấc nhủ  
Cửa phủ vân dẫu có như không  
Sống thời tiền chảy bạc ròng  
Thác không đem được một đồng nào đi.  
Khóc ma mượn, thương gì hàng xóm  
Hòm gỗ đa bó đóm đưa đêm  
Ngẩn ngơ trong quảng đồng chiêm  
Nén hương giọt nước biết tìm vào đâu?  
Cũng có kẻ ráp cầu chữ quý  
Dẫn mình vào thành thị lân la  
Mấy thu lia cửa lia nhà  
Văn chương đã chắc đâu mà trí thân.  
Dọc hàng quán gặp tuàn mưa nắng  
Vợ con nào nuôi nắng khem kiêng  
Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng  
Anh em thiên hạ lảng giềng người dựng  
Bóng phần tử xa chừng hương khúc  
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang  
Cô hồn nhờ gởi tha phương  
Gió trắng hiu hắt lửa hương lạnh lòng.  
Cũng có kẻ vào sông ra bể,  
Cánh buồm mây chạy xé gió Đông  
Gặp cơn giông tố giữa dòng  
Đem thân chôn rấp vào lòng kinh nghê.  
Cũng có kẻ đi về buôn bán  
Đòn gánh tre chín dạn hai vai  
Gặp cơn mưa nắng giữa trời

Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao?  
Cũng có kẻ mắc vào khóa lính  
Bỏ cửa nhà gồng gánh việc quan  
Nước khe cớm vất gian nan  
Dãi dầu nghìn dặm lầm than một đời  
Buổi chiến trận mạng người như rác  
Phận đã đành đạn lạc tên rơi  
Lập lòe ngọn lửa ma trời  
Tiếng oan vắng vắng tối trời càng thương!  
Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp  
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa  
Ngẩn ngơ khi trở về già  
Ai chồng con tá biết là cậy ai?  
Sống đã chịu một đời phiền não  
Thác lại nhớ hớp cháo lá đa.  
Đau đớn thay phận đàn bà,  
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?  
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất  
Dõi tháng ngày hành khát người xưa  
Thương thay cũng một kiếp người  
Sống nhờ hàng xứ chết vui đường quan.  
Cũng có kẻ mắc oan tù rạc  
Gói mình vào chiếu rách một manh  
Nắm xương chôn rắp góc thành  
Kiếp nào cỏi được oan tình ấy đi?  
Kìa những kẻ tiểu nhi tám bé  
Lỗi giờ sinh lia mẹ lia cha  
Lấy ai bồng bế xót xa  
U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng.  
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối  
Cũng có người sẩy cối sa cây  
Có người leo giếng đứt dây  
Người trôi nước lũ kẻ lấy lửa thành.  
Người thì mắc sơn tinh thủy quái  
Người thì sa nanh sói ngà voi  
Có người hay để không nuôi  
Có người sa sẩy có người khốn thương.  
Gặp phải lúc đi đường lỡ bước  
Cầu Nại Hà kẻ trước người sau  
Mỗi người một nghiệp khác nhau  
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?  
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi  
Hoặc là nương ngọn suối chân mây  
Hoặc là điểm cỏ bóng cây  
Hoặc là quán nọ cầu này bơ vơ  
Hoặc là nương thần từ Phật tự  
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông  
Hoặc là trong quặng đồng không  
Hoặc nơi gò đồng hoặc vùng lau tre  
Sống đã chịu một bề thảm thiết

Ruột héo khô dạ rét căm căm  
 Dãi dầu trong mấy mươi năm  
 Thở than dưới đất ăn nằm trên sương  
 Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn  
 Tắt mặt trời lẫn thân tìm ra  
 Lôi thôi bồng trẻ dất già  
 Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh.  
 Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ  
 Phóng hào quang cứu khổ độ u  
 Ráp hòa tứ hải quần chu  
 Não phiền trút sạch oán thù rửa không.  
 Nhờ Đức Phật thần thông quảng đại  
 Chuyển pháp luân tam giới thập phương  
 Nhơn nhơn Tiêu Diện đại vương  
 Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh.  
 Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh  
 Trong giấc mê khua tịnh chiêm bao  
 Mười loài là những loài nào?  
 Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh.  
 Kiếp phù sinh như hình như ảnh  
 Có chữ rằng: “Vạn cảnh giai không”  
 Ai ơi lấy Phật làm lòng  
 Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.  
 Đàn chẵn tể vâng lời Phật giáo  
 Cửa có khi bát cháo nén nhang  
 Gọi là manh áo thoi vàng  
 Giúp cho làm cửa ăn đường thẳng thiên.  
 Ai đến đây dưới trên ngồi lại  
 Cửa làm duyên chớ ngại bao nhiêu.  
 Phép thiên biến ít thành nhiều  
 Trên nhờ Tôn Giả chia đều chúng sanh.  
 Phật hữu tình từ bi phổ độ  
 Chớ ngại rằng có có không không.  
 Nam mô chư Phật, Pháp, Tăng  
 Độ cho nhất thiết siêu thăng thượng đài  
 Nội dung Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh

Bài văn chiêu hồn đã mô tả cảnh khổ đau của mỗi hạng người trong xã hội từ những kẻ quyền thế cao sang đến người xó chợ đầu đường. Tất cả mỗi người không ai có thể khước từ cái chết. Tuy “mỗi người một nghiệp khác nhau” nhưng cầu Nại Hà thì không ai có thể không bước qua, chỉ là “kẻ trước người sau mà thôi”.

Cầu Nại Hà là gì? Tại nơi nào? Theo sách Phật, cầu Nại Hà ở về phía Đông của Thập Điện (tức mười tầng địa ngục), những người nghèo hèn và chết yểu (chết trẻ) đều phải đi qua cầu này để vào đường đầu thai sinh vào kiếp khác. Nại Hà là tên con sông ở địa ngục có ba cái thác nhỏ, linh hồn các tội nhân khi đến đây phải hỏi xem nơi nào có thể lợi qua được để khỏi trầm luân nên gọi là Nại Hà.

Con người khi sống trong xã hội thì có phân biệt cao thấp sang hèn nhưng khi chết thì đều bình đẳng. Nhất là chết mà trở thành cô hồn:

Thương thay thập loại chúng sinh  
 Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người.  
 Hương lửa đã không nơi nương tựa

Hồn mờ cõi lữ bấy niên  
Còn chi ai khá ai hèn  
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu

Cụ Nguyễn Du đã tả cảnh bi thương từ dương gian đến âm phủ: Từ tiết đầu thu âm đạm, thể lượng của cõi dương chuyển sang cảnh “trường dạ tối tăm” bi thiết của cõi âm... để nêu ra các loại chúng sanh với những nghiệp cảnh khác nhau nhưng tựu trung đều bi thảm giống nhau. Nói là “thập loại” nhưng bài văn đã kể ra cả thảy 16 nghiệp cảnh. Chữ “mười” ở đây không phải là số đếm thông thường mà là tiếng tượng trưng cho sự rộng khắp, toàn văn như trong cách nói “mười phen vẹn mười”, “nhân vô thập toàn”...

Các loại chúng sinh được nhắc đến trong văn tế là:

1. Những kẻ “tính đường kiêu hãnh” tham danh vọng mà quên mạng sống.
2. Những kẻ giàu sang sống trong “màn lan trướng huệ” tự kiêu, tự mãn về nhan sắc...
3. Những kẻ làm quan to “mũ cao áo rộng” cầm ngọn bút sinh sát trong tay.
4. Những Tướng sĩ “bài binh bố trận” “đem mình vào cướp ấn nguyên hung” phơi thây trăm họ để dành công cho bản thân mình...
5. Những kẻ tính đường trái phú bôn ba lìa bỏ quê nhà để mong được giàu sang...
6. Những kẻ “rắp cầu chữ quý”
7. Những kẻ vào sông ra bể, trong sóng gió hiểm nguy...
8. Những kẻ thương buôn đường xa
9. Những kẻ phải đi lính
10. Những kẻ sa cơ thất thế rơi vào “buôn nguyệt bán hoa”
11. Những người hành khát “sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan”
12. Những kẻ mắc vòng tù ngục oan khiên
13. Những kẻ hậu sinh vô dưỡng
14. Những trẻ sơ sinh mất mẹ cha
15. Những kẻ chết vì các loại nạn tai: Thủy, hỏa, ác thú...
16. Những kẻ vô tử tức không con cái, thân thuộc

Nêu ra cảnh khổ của cõi âm Nguyễn Du muốn cảnh giác cõi dương là nơi mà cuộc tranh dành lợi danh, tiền của thường rất gắt gao và hung hãn... Tác giả nhắc cho mọi người thấy rõ ràng:

Sống thời tiền chảy bạc ròng

Thác không đem được một đồng nào đi

Và cuối cùng kêu gọi các loại cô hồn hãy khôn ngoan lắng nghe kinh để nương nhờ phép Phật mà thoát khổ. Lấy Phật làm lòng thì tự nhiên siêu thoát trong luân hồi. Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh là một lời cảnh báo cho thế gian đáng cho mọi người suy gẫm... trong ngày Đức Mục Kiền Liên cứu mẹ khỏi khổ hình địa ngục để báo hiếu.

Nguyễn Châu Biên Soạn